

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----o0o-----**

Số: 25/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 02/8/2019  
V/v Ly hôn giữa chị T và  
anh Ngọc A

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

2. Ông Bò Xuân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tư -  
Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998 (Có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Đội 1, xã T, huyện T, Thành phố H

Hiện trú tại: Xóm Văn Đ, xã Quỳnh B, huyện Quỳnh L, tỉnh N

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1995 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Đội 1, xã, huyện T, Thành phố H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 11 tháng 01 năm 2017, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H trên cơ sở tự nguyện

và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị T và anh Ngọc A sống cùng với bố mẹ anh Ngọc A tại đội 1, xã T, huyện, Thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh Ngọc A đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 5/2017. Chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh Ngọc A nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngọc A.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Ngọc T và không yêu cầu anh Ngọc A phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn, anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 11/01/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên anh Ngọc A và chị T thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ giữa năm 2017. Anh Ngọc A và chị T đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 5/2017. Do anh Ngọc A không còn tình cảm với chị T nên anh Ngọc A đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2017. Khi ly hôn, anh Ngọc A đề nghị chị T nuôi cháu T.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A đăng ký kết hôn ngày 11/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không tự hòa giải được nên chị T đã nộp đơn xin ly hôn anh Ngọc A trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện T, không qua thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T. Chị T và anh Ngọc A có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc A; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngọc A có quyền thăm nom chung không ai được cản trở; Về tài sản chung: Do chị T, anh Ngọc A không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:**

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1995, có địa chỉ tại đội 1, xã T, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**2] Về tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ngọc A không đến tham gia các phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án và chính quyền địa phương phải tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Ngọc A. Phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 24/7/2019 nhưng do vắng mặt anh Nguyễn Ngọc A nên Tòa án đã hoãn phiên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh Ngọc A tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngọc A.

#### **3] Về nội dung vụ án:**

**3.1] Về quan hệ vợ chồng:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A đăng ký kết hôn ngày 17/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Chị T và anh Ngọc A kết

hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, chị T và anh Ngọc A đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 5/2017.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A căng thẳng từ lâu, cả hai đã sống ly thân được hai năm, chị T và anh Ngọc A không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T cương quyết xin ly hôn và anh Ngọc A cũng nhất trí ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh Ngọc A là đúng pháp luật.

**3.2] Về con chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cháu T và không yêu cầu anh Ngọc A phải đóng góp phí tổn nuôi con chung, anh Ngọc A cũng nhất trí và đề nghị chị T trực tiếp nuôi cháu T nên giao hai cháu Nguyễn Ngọc T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ T 18 tuổi là đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung:** Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc A phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Ngọc A đối với cháu Nguyễn Ngọc T cho đến khi có thay đổi khác.

**3.4] Về tài sản vợ chồng:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**3.5] Về án phí:** Chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về tranh chấp ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

**3.6] Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/01/2107 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc T đủ 18 hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A đối với cháu Nguyễn Ngọc T cho đến khi có thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thủy và anh Nguyễn Ngọc Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2015/0007221 ngày 26/4/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trung Hòa**

